

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1154/STP-VP

Đồng Nai, ngày 10 tháng 9 năm 2014

V/v thực hiện Chỉ thị số 22/CT-UBND ngày  
20/8/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh

Kính gửi:

- Phòng chuyên môn và tương đương;
- Phòng Công chứng số 1, 2, 3, 4;
- Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản;
- Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước;
- Phòng Tư pháp các huyện, TX. Long Khánh, TP. Biên Hòa.

Ngày 26/8/2014, Sở Tư pháp nhận được Chỉ thị số 22/CT-UBND ngày 20/8/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020 và lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 – 2020.

Nội dung Chỉ thị số 22/CT-UBND ngày 20/8/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020 và lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 – 2020 được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp tại địa chỉ: <http://stp.dongnai.gov.vn>.

Về việc này, Giám đốc Sở Tư pháp yêu cầu:

1. Phòng chuyên môn và tương đương, các đơn vị trực thuộc Sở, Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa tổ chức quán triệt nội dung, thực hiện đúng các chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh theo Chỉ thị số 22/CT-UBND trong quá trình tham mưu, xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020 và lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 – 2020 và các Kế hoạch khác liên quan trong lĩnh vực tư pháp.


2. Giao Văn phòng Sở tham mưu, tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị số 22/CT-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh, đồng thời thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 – 2020.

3. Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa căn cứ Chỉ thị số 22/CT-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh, đồng thời thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ, tham mưu UBND cùng cấp tổ chức xây dựng Kế hoạch công tác tư pháp 5 năm 2016 - 2020 tại địa phương đúng quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Trang TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
SỞ  
TƯ PHÁP**



**Phan Văn Châu**

Annex TH

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22 /CT-UBND

Đồng Nai, ngày 20 tháng 8 năm 2014

SỐ TƯ PHÁP ĐỒNG NAI	
CÔNG SỐ:	1659
VĂN NGÀY:	26/8/2014
ĐẾN NGÀY: _____	

**CHỈ THỊ**

**Về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020  
và lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (khóa VIII) về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng 5 năm 2011 - 2015; trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, các ngành, các cấp, doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh đã nỗ lực vượt qua khó khăn thách thức, đạt được những thành tựu quan trọng.

Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020, căn cứ Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, Thành phố Biên Hoà, các Doanh nghiệp nhà nước và Doanh nghiệp có vốn nhà nước tập trung triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 với những nội dung chủ yếu sau đây:

**A. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020**

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đúng tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015, các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và trên cơ sở dự báo tình hình thế giới, tình hình trong nước, trong tỉnh giai đoạn 2016 - 2020; từ đó xác định mục tiêu phát triển của kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 phù hợp với mục tiêu cả nước, vùng Đông Nam bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn 2025 và với điều kiện thực tế của tỉnh. Những nội dung chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 gồm:

**I. Về đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015:**

Trên cơ sở báo cáo đánh giá giữa nhiệm kỳ và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, Nghị quyết 188/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của HĐND tỉnh (khóa VIII) về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 5 năm 2011-2015; báo cáo đánh giá giữa nhiệm kỳ tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, các ngành về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015... các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, Thành phố Biên Hòa, các doanh nghiệp nhà nước ước thực hiện kế hoạch năm 2014, dự kiến kế hoạch năm 2015, đánh giá toàn diện việc thực hiện kế

hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên tất cả các mặt; trong đó đặc biệt chú trọng các mục tiêu, nhiệm vụ đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, Nghị quyết 188/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của HĐND tỉnh (khóa VIII). Các nội dung cần tập trung đánh giá bao gồm:

1. Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, Nghị quyết 188/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của HĐND tỉnh (khóa VIII), Nghị quyết Đảng bộ và HĐND các cấp về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015; trong đó đánh giá sâu về chất lượng tăng trưởng và phát triển của từng ngành, địa phương; khả năng cạnh tranh của các sản phẩm chủ yếu; việc khai thác và sử dụng các nguồn lực, nhất là đất đai, tài nguyên khoáng sản; chất lượng nguồn nhân lực; khai thác và sử dụng các cơ sở vật chất - kỹ thuật, ứng dụng thành tựu khoa học và đổi mới công nghệ. Chú ý làm rõ các kết quả đạt được so với mục tiêu, chỉ tiêu và các định hướng phát triển đã đề ra, các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện kế hoạch.

2. Đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, trong đó chú trọng đánh giá kết quả thực hiện chủ trương, chính sách về tái cơ cấu kinh tế, tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực, phát triển bền vững. Tập trung đánh giá kết quả đạt được trong việc tái cơ cấu trên 3 lĩnh vực: tái cơ cấu đầu tư trọng tâm là đầu tư công, tái cơ cấu doanh nghiệp trọng tâm là doanh nghiệp nhà nước, tái cơ cấu tổ chức tín dụng trọng tâm là xử lý nợ xấu. Đồng thời, đánh giá kết quả tái cơ cấu trong nội bộ ngành, nhất là trong nông nghiệp và phát triển nông thôn, công nghiệp chế biến, xuất khẩu, dịch vụ chất lượng cao,... Nội dung đánh giá cần phải nêu lên những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân (chủ quan, khách quan) để rút ra kinh nghiệm cho giai đoạn tới.

3. Phân tích tình hình và đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ đột phá giai đoạn 2011-2015, trong đó làm rõ những kết quả đạt được, những khó khăn, hạn chế, yếu kém trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ đột phá trong các ngành, các cấp.

4. Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu trong lĩnh vực văn hóa - xã hội và bảo vệ môi trường, trong đó chú trọng vào đánh giá kết quả đổi mới phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, công tác giải quyết việc làm, công tác giảm nghèo, y tế, thông tin, văn hóa, thể dục thể thao, bảo vệ trẻ em, phát triển thanh niên, chăm sóc người có công, công tác bình đẳng giới, thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu...

5. Đánh giá việc huy động và sử dụng các nguồn vốn, bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước, nguồn tín dụng đầu tư của Nhà nước và tín dụng của hệ thống ngân hàng thương mại, nguồn vốn từ khu vực dân cư, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), các khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (NGOs), nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nguồn tài chính doanh nghiệp. Tình hình, tiến độ thực hiện các công trình, dự án trọng điểm, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu và 8 chương trình phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2015 của tỉnh.

6. Đánh giá về trình độ công nghệ, năng lực sản xuất mới tăng thêm trong giai đoạn 2011-2015.

7. Đánh giá về thực hiện các nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia; công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; kết quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

8. Đánh giá về hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; cơ chế quản lý và công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch; công tác cải cách hành chính, chấp hành kỷ luật, kỷ cương, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí...

Khi đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch 5 năm 2011 - 2015, phải làm rõ kết quả thực hiện các Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng và các Nghị quyết khác của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng; kết quả thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh trong việc thực hiện kế hoạch hàng năm để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015.

Lưu ý trong báo cáo đánh giá, phải làm rõ những tồn tại, yếu kém so với mục tiêu đã đề ra; làm rõ nguyên nhân thành công và chưa thành công, nguyên nhân khách quan và chủ quan; trách nhiệm của từng ngành, từng cấp, để từ đó rút ra những bài học, kinh nghiệm cho giai đoạn phát triển sắp tới của tỉnh.

## II. Về nội dung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020:

Bối cảnh 5 năm 2016 - 2020 được dự báo có nhiều thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, trong đó nổi bật là tình hình kinh tế thế giới và khu vực phục hồi đã tăng trưởng sau cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu nhưng tốc độ phục hồi còn chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Kinh tế nước ta có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức; đặc biệt là các diễn biến ở Biển Đông có thể tác động ảnh hưởng đến phát triển kinh tế đất nước. Bên cạnh đó, giai đoạn 2016 - 2020 nước ta cũng có nhiều thuận lợi mà nổi bật là sau 30 năm đổi mới, thế và lực của đất nước đã lớn mạnh hơn nhiều, quy mô và tiềm lực kinh tế được nâng cao hơn trước. Công tác tái cơ cấu nền kinh tế đang tạo ra những chuyển biến mới, tình hình chính trị - xã hội ổn định là nền tảng vững chắc cho sự phát triển.

Bối cảnh trong tỉnh với những thuận lợi về vị trí, những thành tựu đạt được trong các năm qua và những kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, điều hành của chính quyền các cấp, các ngành; sự ổn định về chính trị xã hội; mở rộng quan hệ đối ngoại trong và ngoài nước, Đồng Nai có những tiền đề vững chắc để phát triển mạnh và bền vững trong thời gian tới. Đồng thời, tổng vốn đầu tư phát triển và năng lực sản xuất mới tăng thêm của giai đoạn trước với nhiều công trình, dự án đã hoàn thành đưa vào hoạt động góp phần nâng cao năng lực sản xuất của nền kinh tế và tạo ra bước phát triển mới. Tuy nhiên, tỉnh cũng đối mặt với những khó khăn và thách thức, đó là: quy mô dân số lớn, tốc độ tăng cơ học nhanh tạo áp lực trong việc nâng cao mức sống của dân cư, bảo đảm an sinh xã hội; chất lượng nguồn nhân lực vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thách thức ứng phó với biến đổi khí hậu; hệ thống kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, nhất là hệ thống hạ tầng giao thông kết nối chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

### 1. Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020:

Phát huy lợi thế, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, bảo đảm phát triển bền vững,

xây dựng Đồng Nai trở thành tỉnh công nghiệp, kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại vào năm 2020. Nâng cao đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân, thực hiện tốt công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường công tác quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, củng cố và mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập và hợp tác quốc tế.

## **2. Định hướng phát triển và các nhiệm vụ chủ yếu:**

2.1. Phân đầu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn phù hợp, giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 1,5%/năm.

2.2. Thực hiện hiệu quả công tác tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu ngành và lĩnh vực, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2.3. Tiếp tục thực hiện thể chế kinh tế thị trường, tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính; thực hiện hiệu quả công tác đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo gắn kết chặt chẽ với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và ứng dụng khoa học, công nghệ; tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại.

2.4. Tiếp tục đổi mới, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển các loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng.

2.5. Khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2.6. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới phát triển giáo dục - đào tạo và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội, thể dục thể thao, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững. Thực hiện các chính sách lao động, việc làm gắn với phát triển thị trường lao động. Chủ động phòng chống dịch bệnh, phát triển mạnh lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân và thể dục thể thao. Tăng cường công tác thông tin truyền thông. Thực hiện hiệu quả các chính sách dân tộc, tôn giáo, bình đẳng giới, chăm sóc và bảo vệ trẻ em, phát triển thanh niên.

2.7. Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai.

2.8. Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong các cấp, các ngành. Tăng cường thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2.9. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế.

2.10. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế- xã hội với công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

## **B. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020**

Để triển khai thực hiện hiệu quả Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn vốn của Nhà nước, yêu cầu các Sở, ban ngành, UBND

các huyện, thị xã Long Khánh, Thành phố Biên Hoà, các Doanh nghiệp nhà nước và Doanh nghiệp có vốn nhà nước triển khai thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 bảo đảm các nội dung như sau:

### **I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011-2015**

Các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015 trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công các năm 2011 - 2013, ước thực hiện năm 2014, dự kiến kế hoạch năm 2015 của Sở, ngành, địa phương, đơn vị quản lý phân theo từng nguồn vốn cụ thể. Trong báo cáo đánh giá cần phân tích sâu các nội dung sau:

1. Tình hình triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án theo từng nguồn vốn so với kế hoạch được duyệt, bao gồm: tình hình phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn hàng năm, triển khai thực hiện, kết quả giải ngân, hoàn trả các khoản vốn ứng trước, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản...; số lượng dự án điều chỉnh tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư; số lượng dự án thực hiện chậm tiến độ so với quyết định đầu tư và kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt; tình hình huy động các nguồn vốn đầu tư các thành phần kinh tế khác để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công.

2. Cơ cấu đầu tư theo từng ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng các nguồn vốn khác nhau trong giai đoạn 2011-2015.

3. Việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định trong quản lý đầu tư công giai đoạn 2011-2015, trong đó làm rõ việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định về quản lý đầu tư công trước và sau thời điểm triển khai thực hiện Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Các kết quả đầu tư công đã đạt được như: năng lực tăng thêm, nâng cao chất lượng dịch vụ công... và tác động đến việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 của cả tỉnh và ngành, địa phương; việc quản lý và sử dụng các dự án đầu tư giai đoạn 2011 - 2015 đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

5. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc và các tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện, phân tích nguyên nhân khách quan và chủ quan của tồn tại, hạn chế, làm rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân liên quan.

6. Đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp để thực hiện đến hết kế hoạch 5 năm 2011 - 2015.

### **II. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020**

1. Các Sở, Ban ngành, địa phương, đơn vị liên quan tuân thủ nghiêm các quy định về căn cứ lập kế hoạch, nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 tại Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Về rà soát danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015 chuyển tiếp và các dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2016 -2020:

a. Rà soát danh mục dự án chuyển tiếp đang được đầu tư từ vốn đầu tư công

- Các dự án thuộc đối tượng rà soát là các dự án đang được đầu tư trong kế

hoạch đầu tư công đã được duyệt, được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư;

- Các Sở, Ban ngành, địa phương, đơn vị liên quan rà soát, lập danh mục các dự án đang đầu tư theo từng nguồn vốn, chia theo nhóm các dự án:

+ Danh mục dự án hoàn thành và đã bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2014 nhưng chưa bố trí đủ vốn;

+ Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2015;

+ Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020;

+ Danh mục dự án hoàn thành sau năm 2020.

b. Rà soát, lập danh mục các dự án khởi công mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày Luật Đầu tư công có hiệu lực (01/01/2015) nhưng chưa được bố trí vốn.

- Dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư;

- Dự án đã có trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Dự án đã được cấp có thẩm quyền thẩm định nguồn vốn và cân đối vốn giai đoạn 2016 - 2020 để thực hiện.

- Dự án chưa có trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chưa thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Đối với các dự án này phải thực hiện việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định của Luật Đầu tư công.

c. Danh mục các dự án khởi công mới (không bao gồm các dự án quy định tại điểm b nêu trên) trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020: Các Sở, Ban ngành, địa phương, đơn vị dự kiến danh mục và chuẩn bị các hồ sơ, thủ tục gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

3. Xác định số nợ đọng xây dựng cơ bản đến ngày 31/12/2014 (nếu có)

- Các Sở, Ban ngành, địa phương, đơn vị liên quan rà soát báo cáo tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản của các dự án đầu tư công theo từng nguồn vốn đến hết ngày 31/12/2014.

- Các Sở, Ban ngành, địa phương, đơn vị để phát sinh các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản từ ngày 01/01/2015 (sau thời điểm Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành) bị xử lý vi phạm theo các quy định của Luật Đầu tư công.

4. Lập danh mục và đề xuất bố trí vốn kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016 - 2020 cho các dự án đầu tư công.

a. Trên cơ sở các căn cứ và nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ, Các Sở, Ban ngành và địa phương, đơn vị lựa chọn danh mục và đề xuất bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung theo từng nguồn vốn và theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2014 nhưng chưa bố trí đủ vốn.

- Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2015.



- Vốn đối ứng cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (nếu có); vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.

- Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 chuyển sang giai đoạn 2016 - 2020 thực hiện theo tiến độ được phê duyệt.

- Dự án hình thành trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Dự án khởi công mới phải đáp ứng các quy định sau:

+ Sau khi đã xử lý thanh toán dứt điểm các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản tính đến ngày 31/12/2014 (nếu có);

+ Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và các dự án thuộc đối tượng quy định tại điểm b, mục 3 trên đây. Do Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015 nên yêu cầu các Sở, Ban ngành, địa phương, đơn vị liên quan khẩn trương chuẩn bị các hồ sơ cần thiết ngay trong năm 2014 đối với các dự án khởi công mới dự kiến triển khai trong giai đoạn 2016 - 2020, để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư từ ngày 01/01/2015;

+ Bảo đảm bố trí đủ vốn giai đoạn 2016 - 2020 để hoàn thành chương trình, dự án theo tiến độ đầu tư đã được phê duyệt.

b. Đối với các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011 - 2015 sử dụng vốn ngân sách nhà nước nhưng không bố trí được kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016 - 2020 phải rà soát phân loại và đề xuất xử lý theo quy định tại Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

c. Đối với vốn Trái phiếu Chính phủ: hiện nay chưa có chủ trương mở mới các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016 - 2020. Do đó các Sở, Ban ngành, địa phương, đơn vị tổng hợp danh mục dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ hoàn thành sau năm 2015, được bổ sung giai đoạn 2014-2016.

d. Đối với kế hoạch vốn trái phiếu chính quyền địa phương và các khoản vay của ngân sách địa phương: việc bố trí vốn kế hoạch thực hiện theo quy định trên, nhưng danh mục phải thuộc danh mục các dự án sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn đầu tư từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương. Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn 5 năm 2016 - 2020 nguồn vốn này phải phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ ngân sách địa phương 5 năm 2016 - 2020 và hoàn trả đúng hạn các khoản vốn vay.

**III. Đánh giá tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015 và xây dựng các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020**

1. Đánh giá tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015: Các Sở, Ban ngành chủ động phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương - cơ quan chủ trì thực hiện chương trình để tổ chức đánh giá tình hình thực hiện chương trình trên địa bàn.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020: Chính phủ dự kiến giai đoạn 2016 - 2020 chỉ thực hiện 2 chương trình mục tiêu quốc gia lớn là Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới. Các Sở, Ban ngành chủ

động làm việc với các Bộ ngành Trung ương liên quan để đề xuất và triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh có hiệu quả.

### **C. YÊU CẦU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020 VÀ LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020**

#### **I. Về tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2011-2015 và tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015:**

1. Việc đánh giá Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015 cần phải bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và cấp ủy, HĐND các cấp về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015.

2. Các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, Thành phố Biên Hòa, các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường phối hợp trong tổ chức đánh giá Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015.

3. Việc đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015, tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015 phải bảo đảm tính khách quan, trung thực và sát đúng với thực tiễn.

#### **II. Về xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016 - 2020 và lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020:**

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh phải xây dựng bám sát các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020, kế hoạch 5 năm của cả nước, các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020; phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội tỉnh đến năm 2020 và các quy hoạch khác liên quan.

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của các ngành, lĩnh vực, các cấp, đơn vị phải phù hợp với kế hoạch của tỉnh, phù hợp với các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương và phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương, đơn vị.

2. Các mục tiêu, định hướng và giải pháp trong kế hoạch phải bảo đảm tính khả thi, gắn kết với khả năng cân đối nguồn lực và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, bảo đảm phát triển bền vững.

3. Trong quá trình xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, các Sở, Ban ngành và địa phương cần tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các cơ quan nghiên cứu, các đoàn thể, các hiệp hội sản xuất và tiêu dùng, cộng đồng dân cư, các nhà tài trợ và các chuyên gia trong và ngoài nước.

4. Việc triển khai lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 phải bảo đảm thực hiện nghiêm theo quy định của Luật Đầu tư công, Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu

tư, các Bộ ngành liên quan, bảo đảm nội dung và thời gian theo yêu cầu.

### **III. Kinh phí xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016 - 2020:**

Kinh phí xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016 - 2020 do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để bảo đảm xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016 - 2020 đạt chất lượng cao.

## **D. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI 5 NĂM 2016-2020 VÀ LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020**

### **I. Phân công trách nhiệm:**

#### **1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

- Chủ trì hướng dẫn cho các Sở, ngành và địa phương xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành và địa phương tính toán, xác định các phương án tăng trưởng kinh tế và các cân đối lớn trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh 5 năm 2016-2020.

Phối hợp với Cục Thống kê nắm thông tin về số liệu tính toán tổng sản phẩm trên địa bàn - GRDP chính thức các năm 2011-2013, ước thực hiện năm 2014 và dự kiến năm 2015 để tính toán cho cả giai đoạn 2011-2015, làm căn cứ xây dựng chỉ tiêu này cho giai đoạn 2016-2020.

- Chủ trì tổng hợp và xây dựng dự thảo báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020.

- Chủ trì tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 các nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý.

#### **2. Sở Tài chính:**

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan hướng dẫn các Sở, ngành và địa phương xây dựng kế hoạch tài chính, ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020, bao gồm đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015; dự báo khả năng cân đối ngân sách tỉnh, xây dựng kế hoạch động viên nguồn lực vào ngân sách nhà nước.

- Chủ trì hướng dẫn cụ thể cho các Sở, ngành và địa phương bố trí dự toán ngân sách để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 có chất lượng.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 các nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý.

#### **3. Cục Thống kê:**

- Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh giai đoạn 2011-2015.

Chủ động liên hệ với Tổng cục Thống kê để nắm thông tin về số liệu tính toán

tổng sản phẩm trên địa bàn - GRDP chính thức các năm 2011-2013, ước thực hiện năm 2014 và dự kiến năm 2015 để tính toán cho cả giai đoạn 2011-2015, làm căn cứ xây dựng chỉ tiêu này cho giai đoạn 2016-2020 của tỉnh.

- Chủ trì tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện 8 chương trình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh giai đoạn 2011-2015 báo cáo UBND tỉnh đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

#### **4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:**

Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu xây dựng chuẩn nghèo mới phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua để tổ chức thực hiện.

#### **5. Các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước:**

- Tổ chức xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của ngành, lĩnh vực và địa phương, đơn vị phù hợp với định hướng phát triển của đất nước và của ngành mình, cấp mình, đơn vị mình theo các nội dung và yêu cầu nói trên trình cấp có thẩm quyền xem xét; đồng thời, báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình UBND tỉnh.

- Tổ chức rà soát, đánh giá, đề xuất kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 các nguồn vốn ngân sách nhà nước do ngành, địa phương, đơn vị được giao quản lý thực hiện theo các nội dung và yêu cầu nói trên, báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình UBND tỉnh.

- Các Sở, Ban ngành chủ động phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương - cơ quan chủ trì thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia để tổ chức đánh giá tình hình thực hiện chương trình trên địa bàn, đề xuất và triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, gửi báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình UBND tỉnh.

- Đánh giá kết quả thực hiện 8 chương trình phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2015 mà Sở, Ban ngành được giao chủ trì, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

- Bố trí đủ kinh phí trong dự toán chi ngân sách của Sở, Ban ngành, địa phương, đơn vị để xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016-2020 đạt chất lượng và đúng quy định pháp luật.

#### **II. Tiến độ thực hiện và báo cáo:**

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh trước 05/9/2014.

2. Các Sở, ngành quản lý thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn đánh giá tình hình thực hiện chương trình và đề xuất thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 báo cáo UBND tỉnh và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30/9/2014.

3. Căn cứ hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ban ngành, địa

phương, đơn vị tổ chức nghiên cứu, xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của Sở, Ban ngành, địa phương, đơn vị mình; gửi dự thảo báo cáo kế hoạch đến Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15/10/2014 để tổng hợp, trình UBND tỉnh báo cáo Tỉnh ủy cho ý kiến để hoàn chỉnh kế hoạch gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước thời gian quy định.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các Giám đốc các Sở, Ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (hoặc Giám đốc) các doanh nghiệp nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, Tx Long Khánh, Tp. Biên Hòa;
- Các doanh nghiệp Nhà nước;
- Chánh VP, các Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, các phòng.

**CHỦ TỊCH**



**Bình Quốc Thái**

